

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/DS-ST
Ngày 30-9-2019
“Về việc tranh chấp hợp đồng tín
dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Liêm.

Bà Bùi Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2019/QĐST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (viết tắt là Ngân hàng BIDV).

Trụ sở: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, quận Hoàng Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Lê Quý Quốc Khanh, sinh năm 1968.

Cư trú tại: số 305/11 đường Phan Bội Châu, khóm 5, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

+ Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1979.

Cư trú tại: số 61, đường Lê Hồng Phong, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau.
(Quyết định ủy quyền số 1032/QĐ-BIDV.ĐM ngày 13/9/2019).

- Bị đơn: Vợ chồng ông Trần Văn N, sinh năm 1976 (vắng mặt).
và bà Lâm Ngọc D, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Khóm 8, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cư trú tại: Khóm 8, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và bản tự khai cùng đề ngày 12 tháng 4 năm 2019, nguyên đơn trình bày yêu cầu:*

Ngày 31/3/2017 Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Đất Mũi đã ký kết với vợ chồng ông Trần Văn N và bà Lâm Ngọc D hợp đồng tín dụng số 99 để vay với số tiền là 3.000.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận thể hiện trong hợp đồng tín dụng số 99, sau khi vay thì có trả nợ gốc với số tiền là 121.690.000 đồng, lãi suất không đóng đầy đủ.

Việc vay vốn, phía vợ chồng ông N và bà D có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD689470 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 30/3/2017 do ông Trần Văn N đứng tên.

Tính đến ngày 06/6/2019 vợ chồng ông N và bà D còn nợ với tổng số tiền là 3.448.243.545 đồng, trong đó, nợ gốc là 2.878.310.000 đồng, nợ lãi là 569.933.545 đồng.

Nay yêu cầu vợ chồng ông N và bà D thanh toán khoản nợ nêu trên. Trường hợp, vợ chồng ông N và bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu được phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

** Tại bản tự khai và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn N trình bày:*

Năm 2017 vợ chồng ông có ký hợp đồng tín dụng vay vốn của Ngân hàng BIDV với số tiền là 3.000.000.000 đồng, việc vay tiền có thế chấp quyền sử dụng đất tại khóm 7, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển.

Sau khi vay thì trả được 121.690.000 đồng tiền nợ gốc, sau đó thì ngưng không thanh toán nợ gốc và lãi cho đến nay, vì do làm ăn thất bại.

Nay trước yêu cầu của Ngân hàng BIDV thì ông N đồng ý thanh toán cho Ngân hàng BIDV tổng số tiền vay còn nợ là 3.448.243.545 đồng, trong đó, nợ gốc là 2.878.310.000 đồng, nợ lãi là 569.933.545 đồng.

Trường hợp, không thanh toán nợ theo nghĩa vụ thì ông N đồng ý phát mãi tài sản thế chấp và tài sản trên đất để thu trả nợ cho Ngân hàng.

** Tại bản tự khai và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lâm Ngọc D trình bày:*

Năm 2017 vợ chồng bà D có ký hợp đồng tín dụng vay vốn của Ngân hàng BIDV với số tiền là 3.000.000.000 đồng, việc vay tiền có thế chấp quyền sử dụng đất tại khóm 7, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển.

Khi vay thì trả được 121.690.000 đồng tiền nợ gốc, sau đó thì ngưng không thanh toán nợ gốc và lãi cho đến nay, vì do làm ăn thất bại.

Nay trước yêu cầu của Ngân hàng BIDV thì bà D đồng ý thanh toán cho Ngân hàng BIDV tổng số tiền vay còn nợ là 3.448.243.545 đồng, trong đó, nợ gốc là 2.878.310.000 đồng, nợ lãi là 569.933.545 đồng.

Trường hợp, không thanh toán nợ theo nghĩa vụ thì bà D đồng ý phát mãi tài sản thế chấp và tài sản trên đất để thu trả nợ cho Ngân hàng.

* Tại Văn bản ngày 14/6/2019, Ông Trần Văn T trình bày ý kiến:

Năm 2017 ông Tuấn có đầu tư xây dựng nhà quán và các công trình phụ trên phần đất của ông Trần Văn N, cụ thể ông Tuấn và ông N có hùn vốn làm ăn và thỏa thuận với nhau là ông N có đất, ông Tuấn đầu tư xây dựng quán, với tổng số tiền ông Tuấn đã đầu tư là 1.500.000.000 đồng, nay ông Tuấn yêu cầu ông N trả cho ông số tiền đã đầu tư là 1.500.000.000 đồng.

Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển tiến hành lập thủ tục đối với yêu cầu của ông Tuấn theo đúng quy định của pháp luật, là tổng đạt hợp lệ thông báo nộp tạm ứng án phí, tuy nhiên ông Tuấn vẫn không nộp biên lai thu tiền tạm ứng phí cho Tòa án.

Tòa án tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tài liệu, chứng cứ và hòa giải 02 lần, nhưng ông Tuấn vẫn vắng mặt không lý do.

* Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bảo lưu yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng BIDV, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Văn N và bà Lâm Ngọc D có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền nợ gốc còn nợ là 2.878.310.000 đồng, tiền lãi đến ngày 29/9/2019 với số tiền là 704.602.680 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong nợ, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trường hợp ông N và bà D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ.

- Vợ chồng ông Trần Văn N và bà Lâm Ngọc D vắng mặt.

- Ông Trần Văn T vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân

hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, buộc vợ chồng ông N và bà D thanh toán tổng số tiền vay là 3.582.912.680 đồng; Đối với yêu cầu của ông Trần Văn T không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Vợ chồng ông Trần Văn N và bà Lâm Ngọc D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập để tham gia xét xử lần 2, nhưng các đương sự vắng mặt không lý do.

Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến đã lập thủ tục yêu cầu độc lập của ông Trần Văn T theo đúng quy định pháp luật, đã tổng đạt hợp lệ thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho ông Tuấn, hết thời gian theo quy định ông Tuấn không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án. Tòa án cũng tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải; triệu tập xét xử hợp lệ lần 2, nhưng ông Trần Văn T vẫn vắng mặt không lý do.

Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với ông Trần Văn N, bà Lâm Ngọc D và Trần Văn T.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Xét về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản:* Ngày 31/3/2017 Ngân hàng BIDV chi nhánh Đất Mũi cùng với vợ chồng ông Trần Văn N và bà Lâm Ngọc D ký kết hợp đồng tín dụng để vay với số tiền là 3.000.000.000 đồng, mục đích vay là mua đất, lãi suất trong hạn là 12,7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 36 tháng. Để đảm bảo cho khoản vay thì vợ chồng ông N và bà D đã ký hợp đồng thế chấp với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSDĐ QDNO&TSKGLVĐ số CD 689470 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 30/3/2017, hợp đồng được chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn Rạch Gốc – huyện Ngọc Hiến; sự việc đều được các đương sự thừa nhận, mà cụ thể là vợ chồng ông N và bà D thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng vay vốn, còn nợ ngân hàng và đồng ý giao tài sản thế chấp để Ngân hàng phát mãi (*thể hiện tại các bút lục số 85, 86, 89 đến 94*) và hợp đồng thế chấp đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Ngọc Hiến. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng số 99 và hợp đồng thế chấp giữa các đương sự là có thật và hợp pháp.

[2.2] *Xét về yêu cầu thanh toán nợ của Ngân hàng:* Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, thì vợ chồng ông N và bà D có thanh toán nợ gốc và lãi suất được một phần, với số tiền nợ gốc đã trả là 121.690.000 đồng, số tiền lãi đóng không đầy đủ;

sau đó thì ngưng không thanh toán tiếp nợ gốc và lãi suất, phía Ngân hàng đã lập biên bản làm việc để xác định về số nợ và hình thức thanh toán đối với ông N và bà D nhiều lần, nhưng ông bà vẫn không thực hiện; Do vợ chồng ông N và bà D đã vi phạm hợp đồng tín dụng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vốn và nợ lãi, vì vậy ngoài khoản nợ gốc mà ông N và bà D phải thanh toán cho phía Ngân hàng là 2.878.310.000 đồng, thì cần phải buộc ông N và bà D thanh toán về các khoản lãi đã được quy định trong hợp đồng tín dụng về lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn (thể hiện tại bản kê chi tiết kèm theo), cụ thể như sau:

- Lãi suất trong hạn với số tiền: 594.382.883 đồng.

- Lãi suất quá hạn với số tiền: 110.219.797 đồng.

Tổng số tiền lãi chưa thanh toán là 704.602.680 đồng

Vậy tổng số tiền vay mà vợ chồng ông Trần Văn N và bà Lâm Ngọc D phải thanh toán cho Ngân hàng BIDV là 3.582.912.680 đồng, trong đó: nợ gốc là 2.878.310.000 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 29 tháng 9 năm 2019 là 704.602.680 đồng.

Từ ngày 30 tháng 9 năm 2019, vợ chồng ông N và bà D còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng số 99 đối với số tiền nợ gốc nêu trên cho đến khi thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng BIDV.

Trường hợp, ông N và bà D không có khả năng thanh toán khoản tiền nêu trên, thì Ngân hàng BIDV có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp và tài sản phát sinh trên tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[2.3] Xét về yêu cầu của ông Trần Văn T: Ngày 14/6/2019 ông Tuấn có văn bản yêu cầu ông N trả lại số tiền đầu tư xây dựng quán trên phần đất ông N đã thế chấp cho Ngân hàng BIDV với số tiền là 1.500.000.000 đồng. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho ông Tuấn đối với yêu cầu độc lập của mình, đã hết thời gian quy định mà ông Tuấn không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án.

Ông Tuấn chỉ yêu cầu ông N trả tiền và được ông N đồng ý (thể hiện tại bút lục số 101).

Do ông Tuấn không thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng phí về yêu cầu độc lập của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên là có cơ sở.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc vợ chồng ông Trần Văn N và bà Lâm Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 103.658.000 đồng (*Một trăm lẻ ba triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn đồng, tính tròn số*).

- Phần Ngân hàng BIDV nộp tạm ứng án phí được nhận lại.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

** Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam đối với vợ chồng ông Trần Văn N và bà Lâm Ngọc D.

Buộc ông Trần Văn N và bà Lâm Ngọc D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng BIDV tổng số tiền là 3.582.912.680 đồng, trong đó: số tiền nợ gốc còn nợ là 2.878.310.000 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 29/9/2019 là 704.602.680 đồng.

Từ ngày 30 tháng 9 năm 2019, vợ chồng ông N và bà D còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng số 99 đối với số tiền nợ gốc nêu trên cho đến khi thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng BIDV.

Trường hợp, ông N và bà D không có khả năng thanh toán khoản tiền nêu trên, thì Ngân hàng BIDV có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp và tài sản phát sinh trên tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Vợ chồng ông N và bà D phải chịu án phí với số tiền là 103.658.000 đồng.

+ Phần Ngân hàng BIDV nộp tạm ứng án phí với số tiền 47.883.000 đồng đồng tại biên lai thu tiền số 0005484 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiền nay được nhận tại toàn bộ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển ;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Hoàng Tuấn